

Bản án số: 15/2020/HSST

Ngày 17/3/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH HUNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Văn T**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quang Đ.**

Bà **Nguyễn Thị T**

Thư ký phiên toà: Ông **Đào Quang Đ.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Bà **Trịnh Thị O** -
Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2020 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện V - tỉnh Hưng Yên xét xử sơ
thẩm vụ án hình sự thụ lý số:10/2020/HSST ngày 21/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số:16/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020 đối với Bị cáo:

Lê Thị T, Sinh năm 1981; STQ: Phố N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên;
Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông: Lê Quang D (tức Lê Văn D), (đã
chết) và bà: Nguyễn Thị D1 (đã chết); Anh chị em ruột: Gia đình có bốn anh em, bị cáo
là thứ ba; Chồng: Chưa có; Con: Có 2 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; Tiền
án, tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Ngày 27/5/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử 1
năm 6 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Cố ý
làm hư hỏng tài sản”. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bào chữa cho bị cáo T:** Ông Nguyễn Khắc A, Luật sư - Văn phòng luật sư
H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên (có mặt);

***Bị hại:**

1. Chị Bùi Thị U, sinh năm 1992;

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

2. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1998;

Địa chỉ: thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đào Minh S, sinh năm 1997;

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị T, sinh năm 1981 ở Phố N, thị trấn N, huyện V tỉnh Hưng Yên trông giữ xe tại cửa hàng gửi xe Quang D của anh Lê Quang V, sinh năm 1989 ở Phố N (là em ruột của Lê Thị T).

Khoảng 17 giờ ngày 22/6/2019, chị Bùi Thị U, sinh năm 1992 ở thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên và chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1998 ở thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Ninh đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ biển số 89B1 – 551.18 của chị U đến chợ N gửi xe tại cửa hàng gửi xe Quang D rồi chị P và chị U đi vào chợ mua đồ. Lúc này Lê Thị T đang ở cửa hàng gửi xe phát hiện thấy cốp xe của chị U không khóa nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản trong cốp xe của chị U. T đến vị trí cốp xe của chị U, mở cốp xe thì thấy bên trong có 01 chiếc túi xách bằng vải màu đen, bên trong túi xách có 01 chiếc điện thoại Iphone 6s màu hồng, 01 chiếc điện thoại Samsung J7 Gold và số tiền 9.000.000đ. T lấy chiếc điện thoại Samsung J7 Gold và số tiền 9.000.000đ cất vào túi quần còn chiếc điện thoại Iphone 6 và túi xách T để vào cốp xe và đóng cốp xe lại như ban đầu. Một lúc sau chị U và chị P vào cửa hàng gửi xe Quang D lấy xe để đi về. Khi về đến đoạn khu vực cầu vượt thị trấn N chị U dừng xe để lấy điện thoại trong cốp xe để gọi điện thì phát hiện chiếc điện thoại Samsung J7 Gold và số tiền 9.000.000đ của chị U bị mất. Chị U và chị P quay lại cửa hàng gửi xe hỏi T xem cửa hàng có lắp đặt Camera không để kiểm tra nhưng T trả lời không có nên chị U và chị P không kiểm tra được.

Do nghi ngờ Lê Thị T là người trộm cắp tài sản của chị U nên chị U, chị P và anh Đào Minh S, sinh năm 1997 ở thôn T, xã T, huyện T bàn với nhau lắp camera và thiết bị cảm biến báo trộm vào xe máy Honda SCR màu xanh biển số 30F7 – 8211 của chị P để tìm ra người đã trộm cắp tài sản của chị U. Đến khoảng 17 giờ ngày 25/6/2019 chị P và chị U đi xe máy của chị P (xe đã được lắp camera và cảm ứng), bên trong cốp xe có 01 chiếc ví màu nâu bên trong có số tiền 3.400.000đ, 01 thẻ ATM và một số giấy tờ tùy thân khác của chị P); Anh S đi xe máy Wave RS màu xanh đen, biển số 88F2 – 0343 đến cửa hàng gửi xe Quang D để gửi xe rồi cả ba cùng đi vào chợ N. Khoảng 10 phút sau thì điện thoại của anh S có báo động cảm biến từ xe của chị P nên anh S, chị U và chị P quay lại cửa hàng gửi xe Quang D thì phát hiện Lê Thị T đang cầm ví, đếm số tiền 3.400.000đ của chị P để trong cốp xe. Toàn bộ sự việc đã được anh S quay lại bằng điện thoại di động. Lúc này T thừa nhận với chị U và chị P ngày 22/6/2019 T đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại Samsung J7 gold và số tiền 9.000.000đ đồng trong cốp xe của chị U và T trả cho chị U chiếc điện thoại Samsung J7 mà T đã lấy.

Ngày 25/6/2019, chị U đã giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc điện thoại nói trên để phục vụ điều tra đến ngày 26/6/2019, chị Bùi Thị U đã tự nguyện giao nộp 01 USB bên trong có lưu hình ảnh T đang thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị P ngày 25/6/2019.

Ngày 17/7/2019, Cơ quan CSĐT, Công an huyện Văn Lâm đã ra quyết định trưng cầu giám định số 143 trưng cầu giám định hình ảnh được lưu tại USB do chị U giao nộp ngày 26/6/2019 có bị cắt ghép chỉnh sửa gì không và phân tích cụ thể diễn biến hành vi của từng đối tượng có trong file hình ảnh được lưu tại USB. Đến ngày 01/8/2019, Viện

khoa học hình sự, Bộ Công an có kết luận giám định số 4079 Kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung các tệp Video gửi giám định.

Ngày 18/7/2019, Cơ quan CSĐT, Công an huyện Văn Lâm có yêu cầu định giá tài sản số 85 Yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Văn Lâm định giá đối với chiếc điện thoại Samsung J7 Gold mà cơ quan điều tra đã thu giữ. Ngày 01/8/2019, Hội đồng định giá tài sản có Kết luận số 29 kết luận chiếc điện thoại Samsung J7 Gold có giá trị là 600.000đ.

Ngày 12/9/2019, Cơ quan CSĐT, Công an huyện Văn Lâm ra quyết định giám định tâm thần kinh số 201/QĐ – CQĐT, trưng cầu Viện pháp y tâm thần trung ương giám định tâm thần kinh đối với Lê Thị T. Đến ngày 17/12/2019, Viện pháp y tâm thần trung ương có kết luận giám định pháp y tâm thần số 458/KLGĐ kết luận: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Lê Thị T bị bệnh rối loạn nhân cách thực tồn trên người chậm phát triển tâm thần nhẹ, theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F07.0/F70. Tại các thời điểm trên bị can Lê Thị T bị hạn chế khả năng nhận thức về điều khiển hành vi.

Sau khi hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện T đã trả lại chị U số tiền 9.000.000đ đã chiếm đoạt ngày 22/6/2019. Ngày 04/10/2019, cơ quan CSĐT, Công an huyện Văn Lâm đã trả lại chị U chiếc điện thoại Samsung J7 gold, trả lại chị P số tiền 3.400.000đ. Chị U và chị P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Bị cáo Lê Thị T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu ở trên.

Cáo trạng số 11/CT - VKS, ngày 21/01/2020 của VKSND huyện Văn Lâm truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “**Trộm cắp tài sản**” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Lâm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Lê Thị T phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 1 năm 9 tháng đến 2 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện

đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo : Lời khai của bị cáo Lê Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại chị Bùi Thị U, chị Nguyễn Thị P lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đào Minh S, lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Vào các ngày 22 và 25/6/2019, tại cửa hàng gửi xe Quang Dư của anh Lê Quang V ở Chợ N, phố N, huyện V, Lê Thị T là người trông giữ xe của quán đã thực hiện hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Gold có giá trị là 600.000đ và số tiền 9.000.000đ trong cốp xe của chị U (ngày 22/6/2019); Chiếm đoạt số tiền 3.400.000đ trong cốp xe của chị Nguyễn Thị P (ngày 25/6/2019).

[3]. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Gold có giá trị là 600.000đ và số tiền 9.000.000đ trong cốp xe của chị U (ngày 22/6/2019); Chiếm đoạt số tiền 3.400.000đ trong cốp xe của chị Nguyễn Thị P (ngày 25/6/2019) là vi phạm pháp luật. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Lê Thị T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên cần phải áp dụng thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo còn có nhân thân xấu, ngày 27/5/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử 1 năm 6 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân nay lại tiếp tục phạm tội Trộm cắp tài sản chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Do đó, việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là cần thiết.

[5]. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, năn năn hối cải, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại, ngoài ra bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức về điều khiển hành vi, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[6]. Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, sống có ích cho xã hội, đồng thời cũng có tác dụng dẫn dắt giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghề nghiệp không ổn định, bản thân bị cáo là đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội, gia đình kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Bùi Thị U và chị Nguyễn Thị P đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[9]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết

Về án phí : Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện V ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Văn T